

Bản án số: 450/2018/DS-ST
Ngày: 04 - 10 - 2018
V/v: “T/c Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Bà Phạm Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thành Phong – Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2018; về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 325/2018/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Đỗ Thành T

Chức vụ: Phó Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ, V Hội sở kiêm Phó Tổng Giám Đốc V theo Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 của ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V

- Ông Phạm Thành C

Chức vụ: Chuyên viên XLN KHCN – V theo Văn bản ủy quyền số 1763/2018/UQ-VPB ngày 15/3/2018; Địa chỉ liên hệ: , Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Huỳnh Trọng N, sinh năm 1984

Chức vụ: Chuyên viên XLN KHCN – V theo Văn bản ủy quyền số: 15061/2018/UQ-VPB ngày 06/7/2018 (thay thế cho Văn bản ủy quyền cho ông

Phạm Thành C); địa chỉ liên hệ: Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Trịnh Thị Mộng T, sinh năm 1976; địa chỉ: Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2018, bản tự khai, các bản sao kê và trong đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) do ông Đỗ Thành T, ông Phạm Thành C và ông Huỳnh Trọng N là đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 19 tháng 5 năm 2017, bà Trịnh Thị Mộng T có ký với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số: L. Mục đích vay tiền của bà T là để thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu T, 2.0L, AT, 8 chỗ, mới 100%. Thời hạn vay: 96 tháng (từ ngày 22/5/2017 đến ngày 22/5/2025). Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,3%/năm, cố định trong 13 tháng đầu tiên, định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần. Tài sản thế chấp để bảo đảm cho số tiền vay tại hợp đồng tín dụng nêu trên là: Quyền sở hữu/sử dụng 01 chiếc xe ô tô, nhãn hiệu: T, số loại: I, số khung: R, số máy: I, biển số xe: 51G-3 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Trịnh Thị Mộng T theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 2.... do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/5/2017. Việc thế chấp được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: L ký ngày 19/5/2017. Chứng nhận đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân, bà T đã ký kết khế ước nhận nợ Lần 01, số: L ngày 19 tháng 5 năm 2017. Bà T đã nhận số tiền vay: 663.000.000 đồng vào ngày 22/5/2017. Sau khi nhận tiền vay, bà T đã không thực hiện đúng Hợp đồng tín dụng đã ký kết, phía Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, nhưng bà T vẫn không trả tiền theo yêu cầu của Ngân hàng, nên theo quy định của Hợp đồng, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn.

Theo bản chi tiết tính lãi tiền vay quá hạn do Ngân hàng cung cấp thì tính đến ngày 04/10/2018 bà Trịnh Thị Mộng T còn nợ Ngân hàng cụ thể như sau: Nợ vốn: 649.186.000 đồng; nợ lãi: 147.430.141 đồng, tổng cộng: 796.616.141 đồng. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà T trả ngay một lần cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 04/10/2018 là 796.616.141 đồng, trong đó nợ vốn: 649.186.000 đồng; nợ lãi: 147.430.141 đồng.

Ngoài ra bà T còn phải chịu lãi theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số: L ký ngày 19/5/2017, kể từ ngày 05/10/2018 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp bà T không thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng thì nguyên đơn yêu cầu Tòa án cho phát mãi tài sản thế chấp của bà T để trả nợ cho Ngân hàng.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ bà Trịnh Thị Mộng T tới Tòa án tham gia tố tụng, nhưng bà T không tới nên Tòa án không ghi được lời khai của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến:

Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát không có kiến nghị về thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Ngân hàng TMCP V đã ký kết Hợp đồng tín dụng với bà Trịnh Thị Mộng T theo như nội dung vụ án đã trình bày, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Bà Trịnh Thị Mộng T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 649.186.000 đồng và lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng:

[3] Ngày 19 tháng 5 năm 2017, bà Trịnh Thị Mộng T có ký với Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng số: L để vay tiền, do đó có cơ sở xác định giữa bà T và Ngân hàng có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản như qui định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do bà T không trả tiền theo quy định của hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện, quan hệ tranh chấp này là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T có nơi cư trú cuối cùng tại quận G, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G.

[4] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bà T, do bị đơn không tới tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi được lời khai của bà T. Tòa án đã xác minh về tình trạng cư trú của bị đơn bằng Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số: 316/2018/QĐ-CCTLCC, ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân quận G thì được Công an phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã trả lời xác minh về tình trạng cư trú của bị đơn như sau: *“Trịnh Thị Mộng T – HKTT: Phường M, quận G đã chuyển đi khỏi địa phương từ ngày 28/7/2018 không rõ địa chỉ nơi đến”*. Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ hiện nay của bà T, nhưng nguyên đơn không cung cấp được và nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn là địa chỉ: Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo địa chỉ trong đơn khởi kiện. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà T không tới tham gia tố tụng mặc dù đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[5] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[6] Về nội dung:

[7] Đối với yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, Ngân hàng đã giải ngân cho bà T số tiền 663.000.000 đồng vào ngày 22/5/2017. Sau khi nhận tiền vay bà T đã không thực hiện việc trả tiền cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ. Tính đến ngày 04/10/2018 bà T còn nợ Ngân hàng số tiền là 796.616.141 đồng, trong đó nợ vốn: 649.186.000 đồng; nợ lãi: 147.430.141 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền trên, ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra bà T phải thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng đã ký kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[8] Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, .. thì áp dụng theo quy định của Luật này”*, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Do vậy, đối với hợp đồng vay tài sản mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng được thực hiện theo thỏa thuận, Hội đồng xét xử xét lãi suất của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật, thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử thống nhất:

[10] Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ số nợ tính đến ngày 04 tháng 10 năm 2018 là 796.616.141 đồng, trong đó nợ vốn: 649.186.000 đồng; nợ lãi: 147.430.141 đồng, bà T phải thanh toán một lần cho Ngân hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[11] Kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2018 bà T còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền còn nợ theo quy định của Hợp đồng tại thời điểm thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ.

[12] Trường hợp bà T không thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan chức năng cho phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: L ký ngày 19/5/2017. Chứng nhận đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh là: Quyền sở hữu/sử dụng 01 chiếc xe ô tô, nhãn hiệu: T, số loại: I, số khung: R, số máy: I, biển số xe: 51G-3 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Trịnh Thị Mộng T theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 2.... do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 2017 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận

nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000.000 đ + (796.616.141 đ – 400.000.000 đ) x 4% = 35.864.646 đồng, nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại số tiền 15.753.528 đồng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2017/0029098 ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận G cho Ngân hàng TMCP V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 150, Điều 203, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Buộc bà Trịnh Thị Mộng T phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền nợ tính đến ngày 04/10/2018 là 796.616.141 đ (bảy trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm mười sáu ngàn một trăm bốn mươi một đồng), trong đó nợ vốn: 649.186.000 đồng; nợ lãi: 147.430.141 đồng. Ngoài ra bà T còn phải chịu lãi theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số: LN1704200035647/SGN/HĐTD ký ngày 19 tháng 5 năm 2017, kể từ ngày 05/10/2018 cho đến khi trả hết nợ, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà T không thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan chức năng cho phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: L ký ngày 19/5/2017. Chứng nhận đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh là: Quyền sở hữu/sử dụng 01 chiếc xe ô tô, nhãn hiệu: T, số loại: I, số khung: R, số máy: I biển số xe: 51G-3 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Trịnh Thị Mộng T theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 2....do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 2017 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Thị Mộng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.864.646 đ (ba mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn sáu trăm bốn mươi sáu đồng), nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại số tiền 15.753.528 đồng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2017/0029098 ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận G cho Ngân hàng TMCP V

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn